

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7- 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Chí Thanh

2. Bà Ngô Hồng Điệp

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 153/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Lê Thị Thanh N, sinh năm 1992, (có mặt);

Địa chỉ: j ấp x, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1992, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022 và trong quá trình xét xử, N đơn chị Lê Thị Thanh N trình bày:* Chị N và anh T tổ chức đám cưới vào năm 2019, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện CĐ, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình vợ con, mặt khác còn hay có những lời nói xúc phạm chị mặc dù chị và gia đình chồng có Nều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy, mục đích hôn nhân

không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Lê Thị Yến N, sinh ngày 10/6/2020, hiện con đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn anh Lê Văn T*: Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Anh T là bị đơn hiện đang cư trú tại xã P, huyện CD, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CD. Bị đơn anh Lê Văn T được Tòa án nhân dân huyện CD tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh N và anh Lê Văn T cưới nhau vào năm 2019, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện CD, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] N nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Lê Thị Thanh N trình bày là do trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì anh T không chịu làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình vợ con, anh T còn thường xuyên có những lời nói xúc phạm chị từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh T tham gia giải quyết vụ án để vợ chồng có điều kiện hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh T không tham gia cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 10/6/2020, hiện đang sống với chị N, chị N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N còn nhỏ tuổi đang

sống chị N, để đảm bảo sự chăm sóc và phát triển ổn định của cháu N nên cần chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, anh T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của N đơn chị Lê Thị Thanh N đối với bị đơn anh Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh N được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con là Lê Thị Yến N, sinh ngày 10/6/2020, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh N trình bày không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0006027 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, chị N đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út